

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2022/DS-ST

Ngày 28-6-2022

V/v tranh chấp về quyền sử dụng đất,
tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài
sản bị xâm phạm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Siêng
2. Ông Nguyễn Hữu Tô

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trường Minh Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp về quyền sử dụng đất, tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị S, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn X, xã H, thị xã H, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn X, xã H, thị xã H, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Văn D: Chị Nguyễn Tường V, sinh năm 1999, địa chỉ: Khu phố x, phường T, thị xã H, tỉnh B, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền được Phòng Công chứng số 2 tỉnh Bình Định, địa chỉ: Số nhà 170, Đường Quang Trung, phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định công chứng số 3649 ngày 23/6/2022) (có mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh Trần Văn B, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn X, xã H, thị xã H, tỉnh B (có mặt).

- Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1968, địa chỉ: Thôn X, xã H, thị xã H, tỉnh B (có mặt).

- Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Hoài Mỹ: Ông Nguyễn Lê T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H (đề nghị giải quyết vắng mặt).

4. Người làm chứng:

- Ông Võ Xuân B, sinh năm 1964, địa chỉ: Thôn X, xã H, thị xã H, tỉnh B.

- Anh Trần Quốc Th, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn XK, xã H, thị xã H, tỉnh B.

- Ông Lê Thanh L, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn X, xã H, thị xã H, tỉnh B.

- Anh Lê Duy N, sinh năm 1986, địa chỉ: Thôn X, xã H, thị xã H, tỉnh B.

(Người làm chứng đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 16/10/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị S trình bày:

Nguyên thừa đất diện tích khoảng 2000m² có tục danh Trũng Thương (nay là lô xx, yy khoảnh x tiểu khu xxb, diện tích đo đạc thực tế là 2122,9m²) tại thôn X, xã H có nguồn gốc của cha chồng bà là ông Trần S (có trích lục nhưng đã thất lạc). Sau năm 1975, ông Trần S cho vợ chồng bà, cho bằng lời nói chứ không có giấy tờ gì. Khoảng những năm 1977 - 1978, vợ chồng bà canh tác và làm nhà ở trên đất. Đến năm 1985, do điều kiện khổ cực, đau bệnh nên vợ chồng bà chuyển đến nơi khác ở nhưng vẫn trồng trọt, canh tác sử dụng đất. Đến năm 1999, ông D tự ý sử dụng thừa đất và hai bên tranh chấp từ đó đến nay. Chính quyền đã giải quyết nhưng không có kết quả. Trong thời gian sử dụng đất, ông D đã chặt phá toàn bộ số cây trái mà vợ chồng bà đã trồng gồm: 06 cây dừa, 06 cây mít, 02 cây cam, 02 cây xoài, 04 cây ổi. Từ năm 2006 đến nay, vì ông D chiếm đất, bà không canh tác được nên thiệt hại về kinh tế. Nay bà S yêu cầu ông D:

+ Trả lại thừa đất có diện tích 2122,9m² thuộc lô xx, yy khoảnh x tiểu khu xxb thôn X, xã H.

+ Bồi thường thiệt hại về tài sản là số cây ông D đã chặt phá với số tiền 13.000.000 đồng.

+ Bồi thường thiệt hại do không sử dụng được đất là 45.000.000 đồng.

Hiện trạng thừa đất có tranh chấp không thay đổi gì so với lúc định giá, bà không yêu cầu định giá lại. Con trai bà là anh B vì bức xúc việc ông D trồng cây

trên đất của gia đình nên có nhỏ một số cây. Riêng bà không nhỏ cây của ông D nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông D.

- *Tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2019, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày và tại phiên tòa, chị Nguyễn Tường V là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:*

Thửa đất có tục danh Trũng Thương tại thôn Xuân Vinh xã Hoài Mỹ (lô xx, yy khoảnh x tiểu khu xxb) trước đây là đất hoang. Đến năm 1990, ông chặt cây chồi để bán cho lò gạch, sau đó tiếp tục khai hoang, canh tác trồng mỳ, lang, mía... nhưng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2002, được Ban quản lý rừng phòng hộ thị xã Hoài Nhơn giao khoán cho hộ gia đình ông để sản xuất trồng rừng và gia đình ông canh tác đến nay. Vì là đất hoang nên không có cây cối như bà S khai và ông cũng không chặt dừa, mít như bà S nói. Đất ông khai hoang, không có cây cối của bà S, được Nhà nước giao khoán cho gia đình ông sử dụng 50 năm nên ông không chấp nhận yêu cầu đòi đất và đòi bồi thường thiệt hại của bà S. Hiện trạng thửa đất có tranh chấp không thay đổi gì so với lúc định giá, ông không yêu cầu định giá lại.

Tháng 01/2018, vợ chồng ông trồng cây keo lai tại đất rừng nói trên. Đến ngày 10/7/2018, bà S và anh B nhỏ số keo lai ông đã trồng với số lượng 860 cây. Ngày 11/7/2018, Công an xã H lập biên bản sự việc, đến ngày 24/8/2018, Công an xã H lập biên bản giải quyết vụ việc nhưng không có kết quả. Việc bà S và anh B nhỏ cây đã gây thiệt hại về tài sản cho ông. Cây bị nhỏ cao khoảng 70cm, trồng được vài tháng, có giá trị khoảng 30.000 đồng/cây. Nay ông D yêu cầu bà S và anh B phải bồi thường thiệt hại cho ông với số tiền là 30.000.000 đồng, trong đó, bà S phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, anh B phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng.

- *Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+ *Anh Trần Văn B trình bày:*

Về nguồn gốc đất và tranh chấp như bà S đã trình bày là đúng. Anh không đồng ý với ý kiến của ông D cho rằng được lâm trường giao đất 50 năm. Trên đất có cây cối của cha mẹ anh nhưng đã bị ông D đào, chặt phá không còn.

Anh thừa nhận, ngày 05/7/2018 có nhỏ khoảng 200 - 300 cây keo do ông D trồng trên đất của gia đình anh. Cây ông D trồng có một số đã bị chết nên số lượng mà ông D cho rằng anh nhỏ là không đúng. Cây bị anh nhỏ là cây keo lai, mới trồng khoảng 01 tháng, cao khoảng 40cm, giá trị thời điểm nhỏ là 700 đồng/cây. Bà S không nhỏ cây của ông D. Vì ông D trồng cây trên đất của gia đình anh nên anh B không chấp nhận bồi thường.

+ *Bà Trần Thị Đ trình bày:* Bà thống nhất theo ý kiến và yêu cầu của ông D. Vợ chồng bà trồng cây keo lai từ tháng 02/2018 nên đến lúc bị nhỏ cây đã lớn, vợ chồng bà tính giá cây đã lớn đến nay theo giá thị trường để yêu cầu bà S và anh B bồi thường. Sau khi cây bị nhỏ, Công an xã H đã đến kiểm tra hiện

trường, kiểm đếm số cây, anh B đã được công an thông qua biên bản, ký tên nên anh B nói chỉ nhỏ 200-300 cây là không đúng.

+ *Tại Biên bản làm việc ngày 14/8/2020, Ủy ban nhân dân xã H có ý kiến:*

Theo hồ sơ đất đai do Ủy ban nhân dân xã H quản lý thì thửa đất số xxx tờ bản đồ số 10 (Bản đồ 299) diện tích 1125m² loại đất hoang. Đo đạc theo bản đồ VN2000, đổi thành thửa đất số xxx tờ bản đồ số 29 diện tích 3700m² loại đất trồng cây hàng năm khác do Ủy ban nhân dân xã H quản lý.

Trước năm 2014, trước khi Ủy ban nhân dân huyện Hoài Nhơn (nay là thị xã Hoài Nhơn) có kết luận thanh tra thì Ủy ban nhân dân xã Hoài Mỹ không thực hiện quản lý đối với đất rừng thuộc lô xx, yy khoảnh x tiểu khu xxb. Sau khi có kết luận thanh tra, địa phương mới bắt đầu xây dựng phương án quản lý. Năm 2010, khi Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Hoài Nhơn (nay là thị xã Hoài Nhơn, sau đây gọi tắt là Ban quản lý rừng phòng hộ) bàn giao đất lâm nghiệp cho địa phương quản lý, sử dụng, việc bàn giao không rõ. Sau khi Ủy ban nhân dân huyện Hoài Nhơn có kết luận thanh tra thì Ban quản lý rừng phòng hộ mới cung cấp danh sách, bàn giao hồ sơ đất rừng tại tiểu khu xxb cho Ủy ban nhân dân xã H lập hồ sơ quản lý. Riêng đối với đất rừng đã giao khoán cho hộ ông Trần Văn D chưa được Ban quản lý rừng phòng hộ thanh lý nên địa phương chưa lập hồ sơ quản lý. Khi ông D và bà S phát sinh tranh chấp, Ủy ban nhân dân xã H chưa có hồ sơ quản lý nên chuyển đơn đến Ban quản lý rừng phòng hộ, lúc này Ban quản lý rừng phòng hộ mới có văn bản thông báo về việc chấm dứt giao khoán. Vì Ban quản lý rừng phòng hộ bàn giao đất có tài sản nên Ủy ban nhân dân xã H chưa có tác động gì để quản lý đối với đất rừng thuộc lô xx, yy khoảnh x tiểu khu xxb. Hiện nay, thửa đất này đang có tranh chấp nên Ủy ban nhân dân xã H cũng chưa thực hiện việc quản lý, sử dụng.

Việc ông D đang trực tiếp sử dụng đất để trồng cây và việc xử lý đối với tài sản có trên đất, Ủy ban nhân dân xã H đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

- *Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng trình bày:*

+ *Ông Võ Xuân B trình bày:* Thời điểm tháng 7/2018, ông là Công an viên Công an xã H. Ngày 11/7/2018, khi nhận được tin báo của ông D về việc nhỏ cây trên đất rừng, ông đến hiện trường kiểm tra và lập biên bản sự việc. Sau đó vài ngày, ông cùng ông Th đến và lập biên bản kiểm tra hiện trường ngày 16/7/2018. Biên bản chỉ ghi nhận các cây bị nhỏ, không ghi nhận ai là người nhỏ cây.

+ *Ông Trần Quốc Th trình bày:* Thời điểm tháng 7/2018, ông là Phó trưởng Công an xã H. Ngày 11/7/2018, khi nhận được tin báo của ông D về việc nhỏ cây trên đất rừng, ông B đến hiện trường kiểm tra và lập biên bản sự việc. Sau đó, ông đến hiện trường và lập biên bản kiểm tra hiện trường ngày 16/7/2018, khi lập biên bản chỉ xác định số cây bị nhỏ chứ xác định ai là người nhỏ cây.

+ Ông Lê Thanh L trình bày: Ông không có quan hệ bà con gì với ông D và bà S. Năm 2018, ông là Trưởng thôn X. Ông được biết phần đất đang tranh chấp trước đây là của gia đình bà S nhưng sau đó vì sinh sống không được nên chuyển đi nơi khác và ông D đã canh tác trên phần đất của bà S. Về việc nhổ cây như biên bản vụ việc ngày 11/7/2018, số lượng cây đã được Công an xã kiểm đếm, ông đại diện cho địa phương ký vào biên bản, ngoài ra không biết gì khác.

+ Ông Lê Duy N trình bày: Ông không có quan hệ bà con gì với ông D và bà S. Năm 2018, ông là Trưởng Công an xã H. Sau khi nhận được thông tin vụ việc, ngày 24/8/2018 ông cùng các đồng chí công an xã thành lập tổ giải quyết và ra biên bản giải quyết vụ việc ngày 24/8/2018. Nội dung vụ việc như biên bản đã thể hiện, ý kiến của các bên đã có trong biên bản, ông không trình bày gì thêm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định: Về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện của Thẩm phán chưa thực hiện đúng qui định. Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án là đúng theo qui định. Vụ án quá thời hạn chuẩn bị xét xử, vi phạm qui định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Không chấp nhận yêu cầu của bà S về buộc ông D trả lại đất, bồi thường thiệt hại cây cối là 13.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại do không có đất sử dụng là 45.000.000 đồng.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu của ông D yêu cầu bà S và anh B liên đới bồi thường thiệt hại 860 cây keo lá tràm, theo giá 14.000 đồng/cây.

+ Về án phí: Bà S và anh B phải chịu theo qui định. Ông D phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn, yêu cầu bị đơn bồi thường thiệt hại về tài sản. Bị đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp về quyền sử dụng đất, tranh chấp về bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm. Bị đơn cư trú và đất có tranh chấp tại xã Hoài Mỹ, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định nên theo qui định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự và người làm chứng: Đại diện Ủy ban nhân dân xã H và người làm chứng đề nghị xét xử vắng mặt. Theo qui định tại

khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã H và người làm chứng.

[3] Về các yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn:

[3.1] Đối với tranh chấp về quyền sử dụng đất: Diện tích 2122,9m² đất lâm nghiệp mà bà S tranh chấp với ông D thuộc một phần lô x khoảnh x tiểu khu xxb thôn X, xã H. Theo Bản đồ 299 thì diện tích này thuộc thửa đất số xxx tờ bản đồ số 10, loại đất hoang. Khi đo đạc theo Bản đồ VN2000, đổi thành thửa đất số xxx tờ bản đồ số 29 diện tích 3700m² loại đất trồng cây hàng năm khác do Ủy ban nhân dân xã H quản lý. Ngày 10/6/2002, ông D có đơn xin nhận khoán đất lâm nghiệp và được Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn chấp thuận giao khoán cho hộ ông D tại lô x, x khoảnh x tiểu khu xxb (Theo Hợp đồng số xx/HĐK). Ngày 02/8/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 350/QĐ-UBND về việc thu hồi đất do Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn đang quản lý và giao cho địa phương quản lý, trong đó có lô x, x khoảnh x tiểu khu xxb đã giao khoán cho ông D. Ngày 29/11/2010, Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn và Phòng Tài nguyên và môi trường huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn đã tiến hành bàn giao cho Ủy ban nhân dân xã Hoài Mỹ quản lý. Hiện nay, diện tích lô x, x khoảnh x tiểu khu xxb chưa giao đất hoặc cho thuê đất cho tổ chức, cá nhân, hộ gia đình nào mà do Ủy ban nhân dân xã Hoài Mỹ quản lý theo phương án được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn phê duyệt tại Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 02/3/2010. Như vậy, diện tích đất mà bà S tranh chấp là đất lâm nghiệp từ trước đến nay thuộc quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn và Ủy ban nhân dân xã Hoài Mỹ. Do đó, bà S không có quyền khởi kiện theo qui định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tranh chấp quyền sử dụng đất. Căn cứ điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tranh chấp về quyền sử dụng diện tích 2122,9m² đất lâm nghiệp thuộc một phần lô x khoảnh x tiểu khu xxb thôn Xuân Vinh, xã Hoài Mỹ.

[3.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại: Bà S không chứng minh được thiệt hại do không sử dụng được đất là có thật và như đã nhận định tại mục [3.1], bà S không có quyền, lợi ích hợp pháp đối với diện tích 2122,9m² đất lâm nghiệp thuộc một phần lô x khoảnh x tiểu khu xxb thôn Xuân Vinh, xã Hoài Mỹ nên bà cho rằng bị thiệt hại số tiền 45.000.000 đồng là không có căn cứ. Về số cây bà S cho rằng ông D đã chặt phá: Qua đo đạc định giá thấy rằng không có số cây này tồn tại trên đất, ông D không thừa nhận bà S có cây trên đất và không thừa nhận đã chặt cây, bà S cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông D chặt cây là đúng sự thật. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà S đối với ông D.

[4] Về yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập của bị đơn:

[4.1] Bà S không thừa nhận đã nhổ cây keo của ông D, việc ghi nhổ cây tại “*Đơn yêu cầu khiếu nại ngày 04/9/2018*” là do nhầm lẫn. Anh B chỉ thừa nhận nhổ khoảng 200-300 cây. Ông D nộp các biên bản liên quan đến việc nhổ

cây nhưng là bản photocopy và không giao nộp được bản sao hợp lệ. Qua xác minh tại Công an xã H thì các biên bản này hiện không còn lưu giữ. Nội dung các biên bản này cũng không thể hiện được ai là người nhổ cây, cụ thể: Biên bản vụ việc do Công an viên xã H lập ngày 11/7/2018 không có chữ ký của người vi phạm. Biên bản kiểm tra hiện trường do Công an xã H lập ngày 16/7/2018 chỉ ghi nhận số cây bị nhổ là 860 cây nhưng không xác định được ai nhổ, không có người nhổ cây ký tên. Biên bản giải quyết vụ việc ngày 24/8/2018 do Công an xã H ghi nhận bà S trình bày con bà có nhổ cây nhưng không xác định rõ số cây bị nhổ. Những người làm chứng cũng xác định nội dung sự việc như các biên bản đã lập, không xác định được ai là người nhổ cây của ông D. Do đó, không có căn cứ để xác định bà S và anh B đã nhổ 860 cây keo lai của ông D. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông D về việc buộc bà S phải bồi thường số tiền 10.000.000 đồng.

[4.2] Theo sự thừa nhận của anh B, xác định ngày 26/5/2018 âm lịch, anh B nhổ của ông D khoảng 300 cây keo lai là đúng sự thật. Ông D cho rằng cây keo lai bị nhổ là cây trồng được 6 tháng, giá trị 30.000 đồng/cây nhưng không được anh B chấp nhận, khi định giá tài sản số cây này không còn, ông D cũng không chứng minh được điều này nên không có cơ sở để xác định đây là sự thật. Mặt khác, nội dung Biên bản vụ việc do Công an viên xã H lập ngày 11/7/2018 đã ghi nhận qua sự trình bày của vợ chồng ông D thì rẫy keo trồng khoảng 45 ngày. Như vậy, có cơ sở để xác định số cây anh B nhổ là loại cây keo lai mới trồng như anh B thừa nhận là đúng.

[4.3] Ông D trồng cây trong thời gian đất chưa được Ủy ban nhân dân xã H tác động quản lý, Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn chưa thanh lý hợp đồng giao khoán, không bị cơ quan nào lập biên bản vi phạm. Do đó, anh B nhổ cây keo lai của ông D là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp, gây thiệt hại về tài sản cho ông D nên anh B phải bồi thường thiệt hại. Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu của ông D, buộc anh B phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng (300 cây keo lai mới trồng x 10.000 đồng/cây). Không chấp nhận phần yêu cầu của ông D, buộc anh B phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng vì không có căn cứ.

[5] Về chi phí định giá tài sản: Bà S phải chịu chi phí định giá tài sản là 1.500.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[6.1] Bà S được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp đối với yêu cầu tranh chấp về quyền sử dụng đất đã đình chỉ giải quyết và phải chịu án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại không được chấp nhận. Bà S là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

[6.2] Ông D phải chịu án phí đối với: Phần yêu cầu bà S bồi thường nhưng không được chấp nhận là $10.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 500.000 \text{ đồng}$ và phần yêu cầu anh B bồi thường nhưng không được chấp nhận là $17.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 850.000 \text{ đồng}$.

[6.3] Anh B phải chịu án phí đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông D được chấp nhận là 300.000 đồng.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 165, 166, 186, 228, 229, 271, 273; điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu tranh chấp về quyền sử dụng diện tích 2122,9m² đất lâm nghiệp thuộc một phần lô x khoảnh x tiểu khu xxb thôn X, xã H của bà Phan Thị S đối với ông Trần Văn D.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị S buộc ông Trần Văn D phải bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 58.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn D buộc bà Phan Thị S phải bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 10.000.000 đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Trần Văn D. Buộc anh Trần Văn B phải bồi thường cho ông Trần Văn D số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

5. Không chấp nhận phần yêu cầu độc lập của ông Trần Văn D, về buộc anh Trần Văn B phải bồi thường số tiền 17.000.000 đồng.

6. Về án phí và tiền tạm ứng án phí:

6.1. Bà Phan Thị S được miễn nộp tạm ứng án phí.

6.2. Trả lại cho bà Phan Thị S số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và số tiền 1.450.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008447 ngày 14 tháng 3 năm 2019 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005452 ngày 28 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

6.3. Ông Trần Văn D phải chịu 1.350.000 đồng (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông D đã nộp số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án

số 0008449 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định nên được khấu trừ, ông D còn phải chịu số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

6.4. Anh Trần Văn B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về chi phí định giá tài sản: Bà Phan Thị S phải chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), bà đã nộp xong.

8. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

9. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

9.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

9.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng